

# HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015 VỀ CĂN CỨ KHỞI TỔ VỤ ÁN HÌNH SỰ

LÊ XUÂN LỤC\*

*Tóm tắt: Khởi tố vụ án là giai đoạn đầu tiên của quá trình tố tụng giải quyết vụ án hình sự. Việc khởi tố vụ án cần dựa trên các căn cứ khởi tố vụ án được Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) quy định. Bài viết phân tích một số vấn đề chung về căn cứ khởi tố vụ án hình sự, đưa ra các đánh giá về những hạn chế, bất cập trong quy định này, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy định về căn cứ khởi tố vụ án hình sự trong BLTTHS.*

*Từ khóa: Khởi tố vụ án, căn cứ khởi tố vụ án, Điều 143 Bộ luật Tố tụng hình sự.*

*Ngày nhận bài: 25/11/2022; Biên tập xong: 08/12/2022; Duyệt đăng: 06/02/2023*

## COMPLETING REGULATIONS ON GROUNDS FOR CRIMINAL CHARGES IN THE 2015 CRIMINAL PROCEDURE CODE

**Abstract:** Based on grounds prescribed by the Criminal Procedure Code, criminal charges is the first stage of the criminal proceedings. The article analyzes general issues on the grounds for criminal charges, makes an assessment of some limitations of this regulation, then proposes solutions to improve the regulations on grounds for criminal charges in the Criminal Procedure Code.

**Keywords:** Criminal charges, grounds for criminal charges, Article 143 of the Criminal Procedure Code.

Received: Nov 25th, 2022; Editing completed: Dec 08th, 2022; Accepted for publication: Feb 06th, 2023

**K**hởi tố vụ án hình sự là một giai đoạn quan trọng trong thủ tục tố tụng hình sự với vai trò là tiền đề cho các giai đoạn tố tụng tiếp theo. Trong giai đoạn này, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng dựa vào các quy định của BLTTHS để xác định có hay không có dấu hiệu tội phạm để ra quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Khởi tố vụ án hình sự có căn cứ, đúng quy định của pháp luật là cơ sở quan trọng cho các giai đoạn tố tụng tiếp theo được tiến hành đúng đắn, đặc biệt trong việc định hướng tiến hành các hoạt động điều tra. Ngược lại, khởi tố không có căn cứ pháp luật dễ dẫn đến tình trạng làm oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm. Việc khởi tố vụ án hình sự phải dựa vào các căn cứ chặt chẽ theo quy định

của pháp luật tố tụng hình sự.

BLTTHS năm 2015 đã có nhiều sửa đổi, bổ sung quan trọng góp phần giải quyết vụ án hình sự một cách khách quan, toàn diện, nhanh chóng và đúng luật, bao gồm cả các quy định về khởi tố vụ án hình sự nói chung và quy định về căn cứ khởi tố vụ án hình sự nói riêng. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng thời gian vừa qua, các quy định này phần nào đã bộc lộ những hạn chế, tồn tại nhất định. Điều này dẫn đến chất lượng khởi tố vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng còn chưa cao, còn nhiều trường hợp phải tiến hành thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự vì sai tội danh hoặc phải

---

\* Email: Xuanluchlu@gmail.com

Khoa Pháp luật hình sự và Kiểm sát hình sự,  
Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

khởi tố bổ sung tội danh. Cá biệt còn có trường hợp khởi tố vụ án hình sự nhưng sau đó bị hủy vì không có căn cứ khởi tố do BLTTHS quy định. Xuất phát từ điều đó, việc hoàn thiện quy định của BLLTHS năm 2015 về khởi tố vụ án hình sự và đặc biệt là quy định về căn cứ khởi tố vụ án hình sự là một yêu cầu đặt ra trong giai đoạn hiện nay.

### 1. Những vấn đề chung về căn cứ khởi tố vụ án hình sự

Trong khoa học luật tố tụng hình sự, khái niệm “*khởi tố vụ án hình sự*” đang được tìm hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau. **Một là**, khởi tố vụ án hình sự được hiểu dưới góc độ là một chế định của luật tố tụng hình sự, bao gồm tập hợp những quy định về trình tự và thủ tục khởi tố vụ án hình sự. **Hai là**, cách hiểu khởi tố vụ án hình sự là một quyết định tố tụng mở đầu cho một vụ án hình sự, đó là quyết định khởi tố vụ án hình sự. **Ba là**, khái niệm “*khởi tố vụ án hình sự*” được hiểu dưới góc độ là một giai đoạn độc lập của quá trình tố tụng hình sự - đây là cách hiểu có tính thông dụng nhất. Giai đoạn khởi tố thường được hiểu một cách phổ biến nhất bắt đầu từ khi các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận và giải quyết nguồn tin về tội phạm cho đến khi các cơ quan này ra quyết định khởi tố vụ án hoặc quyết định không khởi tố vụ án.

Quyết định khởi tố vụ án hình sự cần được dựa trên các căn cứ chặt chẽ, được pháp luật quy định. Theo đó, khi xuất hiện các căn cứ khởi tố vụ án hình sự thì các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án

phải ra quyết định khởi tố vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng tiếp theo để giải quyết vụ án.

Theo Từ điển tiếng Việt, “*căn cứ*” được hiểu là dựa vào, lấy làm tiền đề hoặc cơ sở (để lập luận hoặc hành động)<sup>1</sup>. Điều 143 BLTTHS năm 2015 quy định “*Chỉ được khởi tố vụ án khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm. Việc xác định dấu hiệu tội phạm dựa trên những căn cứ:*

1. *Tổ giác của cá nhân;*
2. *Tin báo của cơ quan, tổ chức, cá nhân;*
3. *Tin báo trên phương tiện thông tin đại chúng;*
4. *Kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước;*
5. *Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm;*
6. *Người phạm tội tự thú”.*

Như vậy, căn cứ khởi tố vụ án hình sự đó chính là các dấu hiệu tội phạm và các dấu hiệu này được xác định dựa trên các cơ sở như tổ giác, tin báo tội phạm, và kiến nghị khởi tố v.v... Để khởi tố vụ án hình sự, pháp luật nước ta cũng như các nước chỉ yêu cầu xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm mà chưa cần phải xác định được người phạm tội. Khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can là hai hoạt động khác nhau. Khởi tố vụ án hình sự có thể giao cho nhiều cơ quan thực hiện (Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án); nhưng do khởi tố

<sup>1</sup> Viện Ngôn ngữ học (2010), Từ điển tiếng Việt, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội

bị can có tác động trực tiếp tới danh dự, nhân phẩm và địa vị pháp lý của một con người cụ thể nên pháp luật quy định rất chặt chẽ cơ quan có thẩm quyền khởi tố bị can, đồng thời phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát đối với quyết định này<sup>2</sup>. Căn cứ khởi tố vụ án hình sự chính là khi có sự kiện phạm tội xảy ra hoặc sự việc có dấu hiệu tội phạm. Việc xác định các dấu hiệu tội phạm dựa trên các cơ sở theo quy định của Điều 143 BLTTHS năm 2015.

Các nhà nghiên cứu hiện nay đều xuất phát từ lý luận triết học về cặp phạm trù nội dung - hình thức để phân tích, lý giải căn cứ khởi tố, nhưng do đặt trong mối quan hệ khác nhau và phương diện tiếp cận khác nhau nên dẫn đến sự giải thích khác nhau. Trên cơ sở lý luận về chứng cứ và đặt căn cứ khởi tố trong mối quan hệ với nguồn tài liệu chứa đựng phản ánh nó thì căn cứ khởi tố được giải thích là chứng cứ chứng minh (xác định) dấu hiệu tội phạm. Đặt trong mối quan hệ giữa chứng cứ với đối tượng chứng minh thì nội dung quy định tại Điều 143 BLTTHS năm 2015 cho thấy cơ sở khởi tố là nguồn chứng cứ; do đó, cái được rút ra từ nguồn chứng cứ - tức dấu hiệu tội phạm (căn cứ khởi tố) là đối tượng chứng minh là vấn đề mà chứng cứ có nhiệm vụ phải làm rõ<sup>3</sup>.

Như vậy, có thể đưa ra khái niệm căn cứ khởi tố vụ án hình sự như sau: *Căn cứ*

<sup>2</sup> Nguyễn Hòa Bình (Chủ biên) (2016), *Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.272-273

<sup>3</sup> Lưu Thanh Hùng (2016), "Bàn về căn cứ khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015", *Tạp chí Nghề luật*, số 4, Hà Nội, tr.52-53

*khởi tố vụ án hình sự là dấu hiệu tội phạm đã được xác định trên những cơ sở khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.*

BLTTHS Việt Nam quy định đồng thời cả hai căn cứ có tính chất quan trọng liên quan đến giai đoạn khởi tố là các căn cứ khởi tố và căn cứ không khởi tố vụ án hình sự. Căn cứ để khởi tố vụ án hình sự và căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự đều là sự hiện diện của dấu hiệu để từ đó các cơ quan tiến hành tố tụng và kết thúc giai đoạn khởi tố vụ án. Tuy nhiên, các dấu hiệu này lại mang tới những hậu quả pháp lý khác nhau. Các căn cứ khởi tố vụ án hình sự là dấu hiệu để xác định tội phạm, quyết định việc khởi tố vụ án, là khởi đầu cho một loạt các hoạt động tố tụng về sau. Các căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự lại là dấu hiệu cho thấy không có tội phạm hoặc không còn tội phạm, do đó phải quyết định không khởi tố vụ án hình sự và làm chấm dứt quá trình tố tụng<sup>4</sup>.

Theo quy định của Điều 143 BLTTHS năm 2015, căn cứ để khởi tố vụ án hình sự chính là dấu hiệu của tội phạm. Đó là những tài liệu ban đầu về sự kiện phạm tội nói chung, có thể chưa phản ánh đầy đủ về tội phạm đã xảy ra nhưng là căn cứ để khẳng định rằng có sự việc xảy ra và sự việc đó có dấu hiệu tội phạm, là căn cứ để khẳng định phải tiến hành tố tụng để làm rõ vụ việc. Dấu hiệu tội phạm được

<sup>4</sup> Lê Hữu Thế, Đỗ Văn Đương, Nguyễn Thị Thùy (Đồng chủ biên) (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Sách chuyên khảo, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, tr.297, 298

xác định trên cơ sở những thông tin thu được từ những nguồn nhất định do pháp luật quy định. Dựa trên việc xác minh các nguồn thông tin đó, các cơ quan tiến hành tố tụng sẽ xác định có dấu hiệu tội phạm hay không để quyết định việc khởi tố hay không khởi tố vụ án.

Căn cứ khởi tố vụ án hình sự là sự việc được tố giác, thông báo hoặc phát hiện có dấu hiệu của tội phạm. Để khởi tố vụ án hình sự, pháp luật tố tụng hình sự chỉ yêu cầu “*có dấu hiệu của tội phạm*” mà không cần “*có đủ dấu hiệu của tội phạm*”. Bởi lẽ, quyết định khởi tố vụ án chưa có nghĩa là buộc tội bất kỳ một ai mà chỉ là mở đầu một vụ án để Cơ quan điều tra có căn cứ tiến hành các hoạt động điều tra cụ thể được pháp luật tố tụng hình sự quy định nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án.

Theo đó, khi chưa xác định được dấu hiệu của tội phạm thì việc tiến hành các hoạt động điều tra, áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với người bị nghi thực hiện tội phạm có thể dẫn đến oan, sai, vi phạm quyền dân chủ của công dân. Để loại trừ những trường hợp này, Điều 143 BLTTHS năm 2015 quy định: Chỉ được khởi tố vụ án hình sự khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm. Như vậy, dấu hiệu của tội phạm chính là căn cứ để khởi tố vụ án hình sự. Việc xác định dấu hiệu của tội phạm dựa trên những cơ sở do luật định (06 dấu hiệu theo Điều 143 BLTTHS năm 2015) mới là hợp pháp. Ngoài những căn cứ trên, việc khởi tố vụ án trong một số trường hợp còn cần có thêm điều kiện pháp lý cần

thiết là có đơn yêu cầu khởi tố của người bị hại (quy định tại Điều 155 BLTTHS năm 2015).

Khi xác định dấu hiệu tội phạm, chỉ cần xác định có sự việc phạm tội xảy ra mà chưa cần xác định ai là người thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi đã khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan điều tra sẽ tiến hành các hoạt động điều tra để xác định người thực hiện tội phạm. Do đó, để ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền phải xác định được: Có hành vi vi phạm pháp luật xảy ra và hành vi đó có dấu hiệu của tội phạm.

Hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự (BLHS), do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của BLHS phải bị xử lý hình sự. Như vậy, nếu chỉ dựa vào những nguồn tin chưa có sự kiểm tra, xác minh có dấu hiệu tội phạm hay không mà đã quyết định khởi tố vụ án hình sự thì việc khởi tố vụ án hình sự như vậy không có căn cứ pháp luật. Việc kiểm tra, xác minh các tin báo về tội phạm được pháp luật quy định. Theo đó, khi nhận được tố

giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra phải kiểm tra, xác minh nguồn tin để quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

### **2. Những hạn chế, bất cập và một số kiến nghị hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về căn cứ khởi tố vụ án hình sự**

BLTTHS năm 2015 đã có nội dung hoàn thiện nhất định so với các văn bản pháp luật về tố tụng hình sự trước đó. Trong đó, chế định khởi tố vụ án, đặc biệt là quy định về căn cứ khởi tố vụ án đã có những sửa đổi, bổ sung tương đối toàn diện. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng, các quy định về khởi tố vụ án hình sự nói chung và căn cứ khởi tố vụ án hình sự nói riêng vẫn còn cho thấy những hạn chế, bất cập nhất định.

*Thứ nhất*, về cách hiểu nội dung “xác định có dấu hiệu tội phạm” trong quy định của Điều 143 BLTTHS năm 2015.

Quy định của Điều luật này xác định dấu hiệu tội phạm là căn cứ để các cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, hiện nay căn cứ này vẫn chưa được các cơ quan có thẩm quyền giải thích nên trong khoa học pháp lý và thực tiễn áp dụng còn có nhiều cách hiểu khác nhau<sup>5</sup>, cụ thể như sau:

- *Quan điểm thứ nhất cho rằng*: Dấu hiệu tội phạm bao gồm tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; tính có

lỗi của hành vi phạm tội; tính trái pháp luật của hành vi phạm tội; tính phải chịu hình phạt. Các dấu hiệu này có thể chưa phản ánh đầy đủ về tội phạm đã xảy ra, nhưng là căn cứ để khẳng định cần phải tiến hành tố tụng để làm rõ vụ việc. Như vậy, để quyết định khởi tố vụ án hình sự cần xác định: Có sự việc xảy ra; Sự việc đó có dấu hiệu tội phạm<sup>6</sup>. Theo quan điểm này thì dấu hiệu tội phạm là căn cứ khởi tố vụ án hình sự được rút ra từ khái niệm tội phạm, đó là các thuộc tính của tội phạm.

- *Quan điểm thứ hai cho rằng*: Dấu hiệu tội phạm là căn cứ khởi tố được hiểu không hoàn toàn giống các dấu hiệu của tội phạm trong khái niệm tội phạm và dấu hiệu của các yếu tố cấu thành tội phạm trong lý luận về cấu thành tội phạm. Các dấu hiệu của tội phạm được rút ra từ khái niệm tội phạm là những thuộc tính của tội phạm (tính nguy hiểm, tính có lỗi, tính trái pháp luật hình sự và tính phải chịu hình phạt). Một hành vi chỉ bị coi là tội phạm khi có đầy đủ các dấu hiệu nêu trên. Trong lý luận về cấu thành tội phạm, dấu hiệu tội phạm được hiểu là một biểu hiện, một nội dung của các yếu tố cấu thành tội phạm, các dấu hiệu thuộc về mặt khách quan, mặt chủ quan, chủ thể của tội phạm. Trong áp dụng luật hình sự, để định tội danh không chỉ dựa vào một hoặc một số dấu hiệu mà phải dựa trên tổng thể các dấu hiệu của cấu thành tội phạm. Theo quan điểm này, “*dấu hiệu tội*

<sup>5</sup> Phạm Thái (2017), *Khởi tố vụ án trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tr.113

<sup>6</sup> Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr. 347.

phạm phải được hiểu theo nghĩa chung, khái quát, đó là những biểu hiện, những khía cạnh của tội phạm được chứng minh, xác định bằng chứng cứ cụ thể. Sự khác nhau về dấu hiệu tội phạm trong căn cứ khởi tố với dấu hiệu tội phạm trong khái niệm tội phạm là tính đầy đủ<sup>7</sup>. Như vậy, quan điểm này đã phân biệt được dấu hiệu tội phạm là căn cứ khởi tố vụ án hình sự với dấu hiệu tội phạm trong khái niệm tội phạm và cấu thành tội phạm.

- *Quan điểm thứ ba cho rằng:* Dấu hiệu tội phạm là những dấu hiệu được quy định trong BLHS thể hiện trong Điều 8. Những dấu hiệu tội phạm được thể hiện trong các sự việc, sự kiện phạm tội là việc có dấu hiệu hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện. Cần chú ý, trong giai đoạn khởi tố, các cơ quan có thẩm quyền chưa thể ngay lập tức xác định được đầy đủ các dấu hiệu tội phạm. Do đó, khi có sự việc xảy ra chỉ cần xác định có hành vi nguy hiểm cho xã hội là đã có căn cứ ra quyết định khởi tố vụ án hình sự. Việc làm rõ, đầy đủ các dấu hiệu tội phạm phải trải qua quá trình điều tra mới xác định được<sup>8</sup>.

Như vậy, mặc dù có những cách tiếp cận và diễn đạt khác nhau, những có thể thấy cả ba quan điểm trên đều thống nhất về dấu hiệu tội phạm là căn cứ khởi tố vụ án hình sự ở những nội dung sau: Một là, dấu hiệu tội phạm là căn cứ khởi tố vụ

<sup>7</sup> Phan Văn Tuyền (2009), *Khởi tố vụ án hình sự những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, tr. 14-15.

<sup>8</sup> Đỗ Ngọc Quang (2007), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Học viện Cảnh sát nhân dân, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 339.

án chính là những dấu hiệu của tội phạm được quy định trong BLHS. Nó là căn cứ để phân biệt tội phạm với các hành vi không phải là tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Hai là, dấu hiệu tội phạm là căn cứ khởi tố vụ án chỉ khác dấu hiệu tội phạm trong BLHS ở tính đầy đủ của nó. Dấu hiệu tội phạm là căn cứ khởi tố vụ án không đòi hỏi phải xác định đầy đủ như dấu hiệu tội phạm trong khái niệm tội phạm và dấu hiệu tội phạm trong các cấu thành tội phạm trong BLHS. Dấu hiệu tội phạm là căn cứ khởi tố vụ án hình sự có thể chỉ là một hoặc một vài dấu hiệu trong mặt khách quan của tội phạm như dấu hiệu về hành vi, hậu quả... Kết quả điều tra, truy tố, xét xử sau đó mới xác định chính xác và đầy đủ các dấu hiệu còn lại của tội phạm, giúp cơ quan có thẩm quyền định tội danh và quyết định hình phạt chính xác.

*Thứ hai,* vấn đề hình sự khác các quan hệ dân sự, có nghĩa là việc khởi tố vụ án hình sự khi vụ án đó không có dấu hiệu tội phạm mà chỉ là các tranh chấp dân sự hoặc các vi phạm pháp luật khác. Nhiều Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã không đánh giá đúng bản chất của các mối quan hệ dân sự như vay mượn, hui họ mà chỉ dựa trên việc không thực hiện các cam kết trong việc vay mượn, trao trả tài sản đến hạn, không xem xét đến các yếu tố thuộc mặt chủ quan của bên có nghĩa vụ trả nợ, không làm rõ có hay không có ý thức chiếm đoạt, việc chưa hay họ không

<sup>9</sup> Phạm Thái (2017), *Khởi tố vụ án trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, tr. 67

thực hiện các cam kết theo hợp đồng là do nguyên nhân nào, do quản lý, sản xuất, kinh doanh kém hiệu quả dẫn đến không có khả năng thu hồi vốn để trả nợ hay lý do bất khả kháng... Điều này xuất phát từ cách nhận thức của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng về căn cứ khởi tố vụ án hình sự còn chưa triệt để, đồng thời một số dấu hiệu tội phạm được quy định trong BLHS cũng chưa rõ ràng, rành mạch, dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau. Từ đó, các vụ việc phi hình sự nhưng lại bị khởi tố hình sự.

*Thứ ba*, quy định của BLTTHS năm 2015 về khởi tố vụ án hình sự còn chưa rõ ràng về việc diễn giải nguyên tắc "*không ai bị đưa ra xét xử hoặc bị trừng trị lần thứ hai về cùng một tội phạm mà người đó đã bị kết án hoặc đã được tuyên trắng án phù hợp với pháp luật và thủ tục tố tụng hình sự của mỗi nước*". Nguyên tắc này đã được ghi nhận trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 nhưng ở mỗi quốc gia khác nhau lại có những cách hiểu, giải thích và áp dụng khác nhau. Có quốc gia quy định công dân của quốc gia đó nếu phạm tội ở nước ngoài mà đã bị tòa án nước ngoài xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật thì quốc gia đó sẽ không truy cứu trách nhiệm hình sự với công dân của họ nữa (chẳng hạn như trong BLHS của Nga). Nhưng cũng có quốc gia quy định họ vẫn truy cứu trách nhiệm hình sự (quy định của BLHS Trung Quốc). Ở Việt Nam, quy định của Hiến pháp và pháp luật tố tụng hình sự không giới hạn bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực là của Tòa án Việt Nam hay Tòa

án nước ngoài. Theo quy định tại Điều 6 BLHS năm 2015 của Việt Nam thì công dân Việt Nam phạm tội ở ngoài lãnh thổ Việt Nam có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Bộ luật này. Tuy nhiên, một vấn đề được đặt ra là: Nếu công dân của Việt Nam phạm tội ở nước ngoài và đã bị tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại xử lý hành vi phạm tội đó bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì Việt Nam có khởi tố về hành vi phạm tội đó nữa hay không? Vấn đề này trong quy định của pháp luật Việt Nam cũng như các Hiệp định tương trợ tư pháp mà Việt Nam đã ký kết với các quốc gia cũng chưa được xác định rõ, từ đó dẫn đến việc dựa vào căn cứ đó khởi tố vụ án hình sự cũng được mà không khởi tố vụ án hình sự cũng được.

Từ những hạn chế, bất cập nêu trên, theo tác giả, BLTTHS năm 2015 cần tiếp tục được hoàn thiện các nội dung liên quan đến căn cứ khởi tố vụ án, từ đó góp phần giúp các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có căn cứ rõ ràng hơn để khởi tố vụ án một cách chính xác, kịp thời và đúng luật.

*Một là*, các cơ quan tư pháp trung ương cần có hướng dẫn cụ thể để xác định rõ dấu hiệu tội phạm theo quy định của Điều 143 BLTTHS năm 2015 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận dụng để khởi tố vụ án hình sự trên thực tế một cách chính xác. Hiện nay, do có nhiều quan điểm khác nhau còn tồn tại về việc xác định căn cứ có dấu hiệu tội phạm như đã phân tích nên nhiều cơ quan tiến hành

tố tụng vẫn còn những điểm chưa thống nhất khi khởi tố các vụ án hình sự, nhất là những vụ án khó, có nhiều quan điểm trong xác định tội danh.

*Hai là*, cần hoàn thiện các dấu hiệu cấu thành tội phạm của các tội phạm trong BLHS, góp phần hạn chế tình trạng hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế.

Hình sự hóa quan hệ dân sự, kinh tế nảy sinh từ các quan hệ dân sự, kinh tế, những quan hệ có tính chất giao dịch hợp đồng giữa hai bên hoặc nhiều bên. Do đó, chống hình sự hóa quan hệ dân sự, kinh tế trong áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội phạm có tính chất dân sự, kinh tế là một vấn đề hết sức quan trọng mà yêu cầu đặt ra là các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình phải phân biệt được sự khác nhau giữa tội phạm trong lĩnh vực này và vi phạm nghĩa vụ trong các giao dịch dân sự, kinh tế. Để tránh tình trạng hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế; một mặt, ở góc độ BLTTHS, các cơ quan tư pháp ở trung ương cần có những chỉ thị, hướng dẫn cụ thể nhằm chỉ đạo việc các cơ quan cấp dưới triệt để thực hiện đúng nguyên tắc khởi tố vụ án. Chỉ khi xác định có dấu hiệu tội phạm – tức dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự được quy định trong BLHS thì mới được khởi tố vụ án. Mặt khác, cần hoàn thiện quy định của BLHS về các dấu hiệu cấu thành tội phạm của các tội phạm có tính chất dân sự, kinh tế, đặc biệt là các tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản để các cơ quan tiến hành tố tụng khi

thực hiện việc khởi tố vụ án có căn cứ rõ ràng, chuẩn xác trong quá trình áp dụng.

*Ba là*, các cơ quan có thẩm quyền cần ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về trường hợp công dân Việt Nam phạm tội ở nước ngoài và đã bị tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại xử lý hành vi phạm tội đó bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có khởi tố về hành vi phạm tội đó nữa hay không. Tại khoản 3 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm*”. Ở Việt Nam, quy định của Hiến pháp và pháp luật tố tụng hình sự không giới hạn bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực là của Tòa án Việt Nam hay Tòa án nước ngoài. Như vậy, việc có khởi tố vụ án hình sự hay không phải chia làm hai trường hợp:

+ *Trường hợp thứ nhất*: Nếu việc kết án của nước sở tại phù hợp với pháp luật và thủ tục tố tụng hình sự của Việt Nam thì các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ không khởi tố vụ án hình sự.

+ *Trường hợp thứ hai*: Nếu việc kết án của nước sở tại không phù hợp với pháp luật và thủ tục tố tụng hình sự của Việt Nam thì các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có quyền khởi tố vụ án hình sự nếu hành vi phạm tội xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam<sup>10</sup>.

Như vậy, trong trường hợp thứ nhất, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam

<sup>10</sup> Phạm Thái (2017), *Khởi tố vụ án trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, tr.113



sẽ không khởi tố vụ án hình sự nhằm tránh tình trạng “kết án hai lần về một hành vi phạm tội”. Tuy nhiên, nếu hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự của nước sở tại đối với người phạm tội là công dân Việt Nam lại không phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, đồng thời hành vi phạm tội xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của đất nước thì các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có quyền khởi tố vụ án hình sự. Việc khởi tố vụ án trong trường hợp này nhằm bảo vệ lợi ích của quốc gia. Cùng với đó, việc quy định như trên cũng sẽ phù hợp với quy định tại Khoản 7 Điều 14 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên: “Không ai bị đưa ra xét xử hoặc bị trừng trị lần thứ hai về cũng một tội phạm mà người đó đã bị kết án hoặc đã được tuyên trắng án phù hợp với pháp luật và thủ tục tố tụng hình sự của mỗi nước”.

Tóm lại, việc hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan đến căn cứ khởi tố vụ án là yêu cầu quan trọng trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam, cũng như nằm trong tiến trình cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước ta đã đặt ra. Trong những nội dung cần hoàn thiện, việc sửa đổi, bổ sung quy định của BLTTHS năm 2015 về khởi tố vụ án nói chung và căn cứ khởi tố vụ án hình sự nói riêng có vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo quá trình giải quyết vụ án được nhanh chóng, chính xác và đúng quy định pháp luật. Trên cơ sở phân tích một số vấn đề chung về căn cứ khởi tố vụ án hình sự cũng như đánh giá một số hạn chế, tồn tại trong quy định về vấn đề này, bài viết

đưa ra các đề xuất hoàn thiện quy định của BLTTHS về căn cứ khởi tố vụ án trong thời gian tới./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển luật học*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Nxb. Tư pháp, Hà Nội;
2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội;
3. Lê Cẩm (2004), “Một số vấn đề lý luận chung về các giai đoạn tố tụng hình sự”, *Tạp chí Kiểm sát* (02), Hà Nội;
4. Viện Ngôn ngữ học (2010), *Từ điển tiếng Việt*, NXB. Từ điển Bách khoa, Hà Nội;
5. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội;
6. Nguyễn Hòa Bình (Chủ biên) (2016), *Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội;
7. Phạm Thái (2017), *Khởi tố vụ án trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh;
8. Trường Đại học Luật TP.HCM (2012), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh;
9. Phan Văn Tuyến (2009), *Khởi tố vụ án hình sự những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh;
10. Đỗ Ngọc Quang (2007), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Học viện Cảnh sát nhân dân, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội;
11. Lưu Bình Dương (2017), *Pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội;
12. Lưu Thanh Hùng (2016), “Bàn về căn cứ khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”, *Tạp chí Nghề luật*, số 4/2016, Hà Nội;
13. Lê Hữu Thế, Đỗ Văn Đương, Nguyễn Thị Thủy (Đồng chủ biên) (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Sách chuyên khảo, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.